NHỮNG NÉT TƯƠNG ĐỒNG VÀ DỊ BIỆT CỦA TỪ TRONG PHƯƠNG THỨC GHÉP, NGHIÊN CỨU ĐỐI CHIẾU GIỮA TIẾNG VIỆT, TIẾNG ANH VÀ TIẾNG HOA

Nguyễn Văn Tám
Đại học Đồng Tháp

Tóm tắt: *Ngôn ngữ là một hệ thống các ký hiệu âm thanh và ngữ pháp được con người sử dụng để giao tiếp và truyền đạt ý tưởng, thông tin. Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp mà còn là biểu hiện của tư duy và văn hóa. Sự phát triển ngôn ngữ là quá trình biến đổi, thích ứng và mở rộng của ngôn ngữ theo thời gian, phù hợp với các thay đổi trong xã hội, văn hóa, và công nghệ. Cùng với sự phát triển đa dạng của nền kinh tế-xã hội, ngôn ngữ tiếng Việt đang trải qua quá trình phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sự gia tăng từ vựng thông qua các quá trình biến đổi nghĩa, đảo ngữ, chuyển đổi và ghép từ.Từ đóng một vai trò rất quan trọng trong quá trình giao tiếp và có rất nhiều phương thức làm tăng vốn từ, trong đó từ ghép đóng vai trò không thể thiếu trong việc phát triển ngôn ngữ và văn hóa của một quốc gia. Đối với tiếng Việt, từ ghép giúp làm giàu thêm vốn từ, tạo ra các từ mới, đồng thời giúp người nói, người viết diễn đạt chính xác hơn những ý tưởng phức tạp. Tuy nhiên, việc ghép các thực thể đơn lẻ đôi khi thay đổi hình thức ban đầu hoặc ý nghĩa của các thành phần ban đầu. Bài viết này trình bày những thay đổi đó giúp những người học ngoại ngữ có thể khám phá niềm vui trong việc học ngôn ngữ, đồng thời tạo động lực để học ngôn ngữ tốt hơn và hiệu quả hơn.*

Từ khóa*: Từ ghép, ghép từ, biến đổi, ý nghĩa, đối chiếu*

SIMILARITIES AND DIFFERENCES IN WORD COMPOUNDING: A COMPARATIVE STUDY BETWEEN VIETNAMESE, ENGLISH, AND CHINESE

Nguyen Van Tam
Dong Thap University

Abstract: *"Language is a system of phonetic symbols and grammar used by humans to communicate and convey ideas and information. Language is not only a means of communication, but also an expression of thought and culture. The development of language is a process of transformation, adaptation, and expansion over time, in alignment with changes in society, culture, and technology. Along with the diverse development of the socio-economic environment, the Vietnamese language is undergoing a strong developmental process, particularly through the increase in vocabulary via semantic changes, inversion, conversion, and word compounding. Words play a crucial role in communication, and there are many methods to expand vocabulary, among which compound words are indispensable in the development of a nation's language and culture. For Vietnamese, compound words enrich the lexicon, create new words, and help speakers and writers convey complex ideas more accurately. However, the combination of individual elements sometimes alters the original form or meaning of the initial components. This article outlines those changes to help language learners explore the joy of learning languages while motivating them to learn languages better and more effectively."*

Keywords*: Compound words, compounding, transformation, meaning, contrastiveness.*

Nhận bài: 20/02/2025 *Phản biện: 26/03/2025* *Duyệt đăng: 30/03/2025*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ vựng phát triển bằng nhiều cách khác nhau , có thể là những từ hoàn toàn mới như "sắc nét", "nét" (nói về khả năng hiển thị hình ảnh của tivi, điện thoại); "đơn thân" (phụ nữ một mình nuôi con); "thuê bao" (người sử dụng điện thoại). Tuy nhiên, có những từ mới được hình thành trên lớp từ vựng cũ, những từ đã tồn tại, được sử dụng thường xuyên trong kho tang từ vựng tiếng Việt nhưng có sự biến đổi nghĩa rõ rệt như: "gạch đá" (sự phê bình, chỉ trích) hoặc "hổ báo" (ám chỉ những người hung hăng). Những từ như: "gạch đá" hoặc "hổ báo" được thành lập bằng một trong những qui tắc cấu tạo từ mới của tiếng Việt, đó là phương pháp ghép. Phương pháp thành lập từ ghép này không phải mới, tuy nhiên, phương pháp này chúng ta thấy sự độc đáo, sự linh hoạt trong sự chọn lựa từ của người dung. Từ loại, ý nghĩa của từ mới có sự biến đổi hoàn toàn so với nghĩa gốc ban đầu. Trong bài viết này, chúng tôi sẽ nêu về sự biến đổi từ vựng tiếng Việt trong phương thức nêu trên, đồng thời có sự so sánh với một số từ tiếng Hoa, tiếng Anh để thể hiện sự phong phú đa dạng của ngôn ngữ.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm từ ghép

Tác giả Hoàng Văn Hoành khi định nghĩa về "từ" đã dẫn lời nhiều nhà ngôn ngữ hàng đầu thế giới như Ferdinan de Saussure (…từ là một đơn vị luôn ám ảnh tư tưởng chúng ta như một cái gì đó trung tâm trong một cơ cấu ngôn ngữ mặc dù khó định nghĩa) và Lev Scherba (…trong thực tế . từ là gì? Thiết nghĩ trong một ngôn ngữ khác nhau từ

sẽ khác nhau. Do đó , tất sẽ không có khái niệm "từ nói chung") đã khẳng định " Cho đến nay đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau về từ"[3,tr.12

Theo logic đó, trong tiếng Việt chúng ta có những cách hiểu về khái niệm về từ ghép như: "Từ ghép là các từ được cấu tạo nên từ 2 từ khác nhau, có nghĩa", "Từ ghép là một loại từ phức được tạo thành bởi ít nhất hai từ đơn với điều kiện là những từ này phải có nghĩa và có quan hệ về nghĩa với nhau". Một nhà nghiên cứu ngôn ngữ quan niệm rằng: "Từ ghép là những từ được tạo ra từ phương thức ghép hình vị"[2, tr.31]. Tương tự trong tiếng Anh, từ ghép được định nghĩa như sau: "Từ ghép là một từ bao gồm hai yếu tố thứ nhất là một căn tố, một từ hoặc một cụm từ còn yếu tố thứ hai là một căn tố hoặc một từ"[10,tr.135] hoặc cụ thể hơn "Từ ghép là một từ bao gồm hai đơn vị trở lên nhưng thực hiện hai chức năng hoặc là ngữ nghĩa hoặc là ngữ pháp với tư cách là một từ đơn lẻ"[11, tr.1567]. Trong khi đó, từ ghép trong tiếng Trung được định nghĩa như sau: "Từ ghép tiếng Trung do "hai từ tố thực" (từ tố có ý nghĩa) còn gọi là "từ căn" kết hợp với nhau."

Như vậy, ta có thể coi từ ghép là kết quả của sự kết hợp những "hình vị", "căn tố", "phụ tố", "đơn vị"(sau đây được gọi chung là thành tố) với nhau theo những trật tự nhất định, cùng thống nhất về mặt ngữ âm và ngữ nghĩa trở thành một đơn vị ngôn ngữ dung để giao tiếp trong lời nói hay văn viết.

2.2. Tầm quan trọng của từ ghép trong việc hình thành từ mới

Tầm quan trọng của từ ghép và phương thức ghép tác giả Hoàng Văn Hoành cho rằng: "Về số lượng, từ ghép chiếm hơn phân nữa tổng số lượng từ vựng hiện có trong tiếng Việt hiện đại. Về chất lượng, từ ghép cung cấp những đơn vị từ vựng hoặc có khả năng biểu thị nghĩa khái quát hoặc có khả năng biểu thị nghĩa chuyên biệt hóa"[3, tr.116]. Tương tự phương thức ghép(compounding) cũng là phương thức cấu tạo từ điển hình trong tiếng Anh, như tác giả Kvetkco khẳng định: "Trong tiếng Anh, phương thức ghép là phương thức cấu tạo từ được sử dụng sớm nhất và có tính sản sinh nhất".Tác giả Triều Vĩnh Tân cho rằng tiếng Trung rất phong phú, thường bao gồm hai hoặc nhiều từ đơn kết hợp lại. Những từ này có thể cùng loại từ, cùng gốc từ hoặc khác gốc từ, tạo ra một từ mới với nghĩa khác biệt hoặc mở rộng so với các từ đơn ban đầu.

Như vậy, có thể khẳng định trong nhiều phương thức tạo ra từ mới thì phương thức ghép từ được sử dụng rộng rãi và phổ biến trong tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Hoa như tác giả Giang Tang đã kết luận: "Tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Hoa có 2 điểm chung trong việc hình thành từ mới".

2.3. Sự biến đổi về nghĩa của từ trong phương thức ghép

Như đã phân tích ở trên, phương thức ghép giữ vai trò quan trọng trong việc tạo ra từ mới. trong phần này chúng ta bàn cụ thể hơn về một khía cạnh phát sinh trong phương thức ghép, đó là sự biến đổi nghĩa của từ. Về vấn đề này,một bạn đọc quan tâm đã viết trên báo Thanh Niên về từ "ô dù" (một từ ghép có sự biến đổi ngữ nghĩa so với nghĩa gốc ban đầu) như sau: "…xin nói rằng "ô "Bắc đã đi với "dù" Nam để tạo nên danh ngữ đẳng lập ô dù, một cấu trúc mới xuất hiện trong vài thập niên gần đây để chỉ những người cấp trên có quyền thế bao che cho cấp dưới lộng quyền ". Xin xem thêm các ví dụ sau:

STT	Thành tố 1	Thành tố 2	Từ mới
1	Đỏ (dt)	Đen (dt)	Đỏ đen: bài bạc
2	Nếp (dt)	Tẻ (dt)	Nếp tẻ: con trai, con gái
3	Mèo (dt)	Chuột (dt)	Mèo chuột: ngoại tình
4	Trâu (dt)	Bò (dt)	Trâu bò: cực khổ

Giống như tiếng Việt, tiếng Hoa khi tạo ra nghĩa của từ mới cũng từ hai thành tố có nghĩa riêng biệt hoặc từ hai từ có từ loại khác nhau. Ví dụ

STT	Thành tố 1	Thành tố 2	Từ mới
1	小(tt): nhỏ	姐 (dt): Chị	Tiểu thư
2	提 (đt):nâng	高 (tt): cao	Cải thiện
3	放(đt):đặt, để	心 (dt): tim	Yên tâm

Từ ghép trong tiếng Anh, ngoài việc thay đổi nghĩa, chúng ta cũng nhận thấy có sự biến đổi về từ loại: từ danh từ chuyển thành động từ, từ danh từ chuyển thành tính từ.

Ngoài những từ ghép có hai hình vị như trên, trong tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa cũng có những từ ghép có nhiều thành tố, một từ đơn thuộc một từ loại khác nhau, có nghĩa ban đầu rất khác so với nghĩa của tổ hợp được ghép chung. Trong tiếng việt chúng ta thường dung từ ghép "hoa lá cành" để nói về một cái gì đó nhiều màu sắc.Trong tiếng Anh, hiện tượng này phong phú hơn và mỗi từ đơn được ngăn cách bằng dấu gạch ngang(-). Ví dụ:

SST	Thành tố 1	Thành tố 2	Thành tố 3	Từ mới
1	Merry(tt):vui vẽ	Go(đt):đi	Round(tt):tròn	Merry-go-round(dt):vòng quay ngựa gỗ
2	Fogget(đt):qurn6	Me(pro):tôi	Not(tr.t):không	Forget-me-not(dt): hoa lưu li

Những cụm từ được cấu tạo từ nhiều thành tố tong tiếng Hoa

STT	Thành tố 1	Thành tố 2	Thành tố 3	Thành tố 4	Từ mới
1	桃(tt):đào	红(tt):đỏ	柳绿(dt):liễu	绿(tt):lục	桃红柳绿: Cảnh sắc mùa xuân rất đẹp
2	雕 (dt):điêu	虫(dt):trùng	小(tt):tiểu	技(dt): kĩ	雕虫小技: tài cán nhỏ mọn.
3	凡事 (dt):mọi việc	都 (tr.t):tất cả	应量力 (dt):mức độ	而行: thực hiện	凡事都应量力而行: Liệu cơm gắp mắm

III. KẾT LUẬN

Bàn về sự biến đổi dạng thức của từ vựng trên các diễn đàn xã hộ, tác giả Phạm Minh cường đã đúc kết như sau: "Vốn từ vựng của một ngôn ngũ luôn được làm giàu thêm bằng những từ và nghĩa mới. Cụ thể đó là sự biến đổi về dạng thức thể hiện của từ vựng cũng như lớp nghĩa của chúng"[6,tr.232]. Có thể nói, cùng với sự phát triển nhiều mặt của kinh tế-xã hội nước nhà, tiếng việt của chúng ta đang có những sự phát triển mạnh mẽ, đặc biệt về số lượng từ vựng và tính đa nghĩa của từ.

Vì vậy, giảng viên, sinh viên khi dạy- học tiếng Anh, tiếng Hoa luôn gặp nhiều khó khăn khi giao tiếp trong môi trường đa văn hóa và trong bối cảnh hai ngôn ngữ đang có sự phát triển mạnh mẽ về từ vựng và ngữ nghĩa. Do đó, để sử dụng ngôn ngữ , người sử dụng phải chấp nhận thử thách nhưng hoàn toàn có thể thích nghi được theo một tác giả đã khuyến cáo: "có nhiều trường hợp ngữ nghĩa của từ rất khó diễn giải và ta chỉ có thể nắm bắt được qua ngữ cảnh. Có những trường hợp ngữ cảnh có thể thay thế được công thức hóa để người học luyện tập, tiến dần đến nắm chắc ngữ nghĩa[1, tr.12]". Để làm được làm điều đó, người dạy-người học Tiếng Anh, tiếng Hoa cần tang cường giao tiếp, tích lũy vốn ngôn ngữ, không ngừng rèn luyện để am tường tiếng mẹ đẻ, góp phần việc học tiếng anh, tiếng Hoa hiệu quả hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1.Bùi Khánh Thế, Sự phát triển nghĩa và tính đa nghĩa của từ công cụ trong tiếng việt hiện đại, Tạp chí Electronic Journal pf Foreign Language Teaching (Center for Language Studies National university of Singapore), Vol 3, No 01/2006, tr.121-128

2. Đỗ Việt Hùng, Xác định đặc đặc điểm cấu tạo từ trên cơ sở cấu trúc ngữ nghĩa, Tạp chí ngôn ngữ, số 2/2011, tr.29-33

3.Hoàng Văn Hoành, Từ tiếng Việt -Hình thái, cấu trúc, từ ghép, từ láy, chuyển loại, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội,2001

4.Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội,1998